


Xử lý nợ xấu trong tiến trình tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước

ThS. BÙI THỊ LAN HƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) được Chính phủ xác định là một trong ba trọng tâm của tái cơ cấu nền kinh tế, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế Nhà nước, cũng như của toàn bộ nền kinh tế. Để thực hiện thành công việc tái cơ cấu nền kinh tế nói chung và tái cơ cấu DNNN nói riêng, đòi hỏi phải xây dựng được lộ trình và bước đi cụ thể. Trong đó, xử lý nợ xấu là vấn đề hết sức phức tạp đang được Chính phủ và các ban ngành đặc biệt quan tâm.

1. Nợ xấu và sự cần thiết phải xử lý nợ xấu trong tiến trình tái cơ cấu DNNN



Theo phòng Thống kê - Liên hiệp quốc: Một khoản nợ được coi là nợ xấu khi quá hạn trả lãi hoặc gốc trên 90 ngày, hoặc các khoản lãi chưa trả từ 90 ngày trở lên đã được nhập gốc, tái cấp vốn hoặc chậm trả theo thoả thuận; hoặc các khoản phải thanh toán đã quá hạn dưới 90 ngày nhưng có lý do chắc chắn để nghi ngờ về khả năng khoản nợ sẽ được thanh toán đầy đủ. Như vậy, nợ xấu về cơ bản được xác định dựa trên hai yếu tố: Quá hạn trên 90 ngày và khả năng trả nợ nghi ngờ.

Theo Quyết định 493/2005 của

Thống đốc NHNN ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng: nợ xấu bao gồm các khoản nợ được phân loại vào 3 nhóm: Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 2 (nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn).

Xét về thực chất: Nợ xấu là những khoản nợ mà khách nợ ít, hoặc không có khả năng trả lại cho các chủ nợ và do đó giá trị kỳ vọng thu hồi thấp hơn so với khoản nợ gốc ban đầu.

Theo Đề án "Tái cơ cấu DNNN" trình Chính phủ tháng 3/2012 thì việc đẩy mạnh cổ phần hóa được xác định là giải pháp trọng tâm và căn bản để



tái cơ cấu DNNN. Theo quy định, một trong các điều kiện mang tính pháp lý đòi hỏi các DNNN phải thực hiện trước khi tiến hành cổ phần hóa là phải xử lý xong các khoản nợ, đặc biệt là các khoản nợ xấu, nợ tồn đọng. Mặt khác, việc xử lý nợ xấu thông qua hoạt động của các công ty mua bán nợ còn giúp lành mạnh hoá tình hình tài chính và tăng thêm vốn hoạt động cho DN, đồng thời giúp cho Nhà nước thu hồi các khoản nợ đọng đã bị loại ra khỏi quá trình sản xuất kinh doanh của các DNNN trong quá trình chuyển đổi. Đây cũng được coi là một nguồn lực phục vụ cho việc tái cơ cấu DNNN, đặc biệt là trong bối cảnh ngân sách nhà nước còn hạn hẹp.

Ngoài ra, thông qua việc xử lý nợ xấu để tái cơ cấu đối với các DNNN làm ăn thua lỗ, mất hết vốn và đang bên bờ vực của phá sản sẽ giúp cho Nhà nước tiết kiệm được chi phí để giải quyết các vấn đề chính trị, đặc biệt chi phí để giải quyết việc làm, lao động dôi dư từ việc phá sản DN, ngăn chặn việc phát sinh thêm những tổn thất tài chính đối với Nhà nước.

2. Vấn đề xử lý nợ xấu của DNNN trong thời gian qua

Số liệu nợ xấu của DNNN

Hiện nay chưa có cơ quan nào công bố số liệu thông kê về tổng số nợ xấu, cũng như là tổng số nợ của các DNNN. Tuy nhiên, theo các thông tin đáng tin cậy thì nợ xấu (tính đến thời điểm tháng 6/2012) vào khoảng 8,6- 10% tổng

đư nợ của nền kinh tế, tương đương khoảng trên 220 ngàn tỷ đồng. Trong đó, theo đánh giá của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, DNNN chính là một trong hai đối tượng đang chiếm tỷ lệ nợ xấu cao nhất. Theo thống kê, nợ xấu của các DNNN chiếm khoảng 55% tổng số nợ xấu của toàn bộ nền kinh tế. Trong đó, phần lớn nợ xấu của DNNN là đi vay của NHTM và chiếm tới 70% nợ xấu của ngân hàng.

Trên thực tế, các số liệu về quy mô nợ xấu của ngân hàng từ NHNN, NHTM, hoặc các tổ chức nước ngoài còn có sự khác biệt (thậm chí là rất lớn) do có sự khác nhau về các tiêu chí phân loại nợ xấu. Theo báo cáo của NHNN, các khoản nợ xấu được tích lũy qua nhiều năm và có chiều hướng gia tăng cả về giá trị và tỷ lệ so với tổng dư nợ.

Bảng 1. Nợ xấu của DNNN qua các năm

Năm	Nợ xấu (ngàn tỷ đồng)	Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ (%)
2009	45	2,5
2010	58	2,1
2011	78	3,2
3/2012	202	8,6

Nguồn: NHNN

Theo đề án Tái cơ cấu của Tập đoàn Tàu thủy Việt Nam (Vinashin), riêng số nợ nước ngoài mà tập đoàn mất khả năng thanh toán đã lên tới 600 triệu USD, cộng thêm với khoản lãi phát sinh tính đến thời điểm này là 23 triệu USD. Toàn bộ số nợ và lãi này dự kiến sẽ được chuyển đổi thành

trái phiếu do Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, với kì hạn 12 năm và đã được 51% chủ nợ (nắm giữ 75% khoản nợ) chấp thuận¹.

Nguyên nhân phát sinh nợ xấu của DNNN

Nợ xấu của DNNN phát sinh do nhiều nguyên nhân, trong đó phải kể đến hai nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, các DNNN vay nợ quá nhiều, cơ cấu vốn mạo hiểm, trong khi hiệu quả kinh doanh thấp, nhiều DN thua lỗ, dẫn đến các khoản nợ đến hạn không có khả năng thanh toán bị chuyển thành nợ xấu.

Do mở rộng quy mô, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong khi vốn chủ sở hữu hạn chế, dẫn đến các khoản vay nợ của các tập đoàn (TĐ), tổng công ty Nhà nước (TCTNN) tăng rất nhanh. Trong đó, phần lớn là các khoản vay từ ngân hàng và tập trung chủ yếu vào các Tập đoàn kinh tế Nhà nước (TĐKTNN).

Theo Đề án Tái cơ cấu DNNN của Bộ Tài chính trình bày tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 4/2012, tính đến tháng 9/2011, dư nợ vay ngân hàng của DNNN là 415.347 tỷ đồng. Trong đó, hơn một nửa số nợ tập trung vào 12 TĐKTNN (218.738 tỷ đồng) chiếm 8,76% tổng dư nợ toàn ngành Ngân hàng. Bốn tập đoàn nợ lớn nhất là PetroVietnam (2.300 tỷ đồng), EVN (62.800 tỷ đồng), Vinacomin (20.500 tỷ đồng)

¹ Bài viết đăng trên trang IFRasia của Thomson Reuters



và Vinashin (19.600 tỷ đồng).

Theo báo cáo của Bộ Tài chính trình Chính phủ về tình hình hoạt động kinh doanh của các TĐ, TCTNN, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của nhiều TĐ, TCT là rất cao, vượt quá mức quy định. Theo đề án "Tái cơ cấu DNNN" của Bộ Tài chính, tính đến tháng 9/2011 có đến 30/85 TĐ và TCT có tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao gấp hơn 3 lần. Đặc biệt có 7 TĐ, TCTNN có tỷ lệ này trên 10 lần gồm TCT Xây dựng Công nghiệp (Tập đoàn Sông Đà), TCT Xây dựng CTGT1, TCT Xây dựng CTGT5, TCT Xây dựng CTGT8, TCT Xăng dầu Quân đội, TCT Thành An và TCT Phát triển đường cao tốc.

Tính đến tháng 6/2012, các TĐ có tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cao phải kể tới: TCT Xây dựng Trường Sơn (9,19 lần); TCT Xây dựng và phát triển hạ

tầng- LICOGI (4,79 lần); TĐ HUT (4 lần); TĐ EVN (3,83 lần).

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, năm 2008 có 23 TĐ, TCT bị lỗ, năm 2009 giảm xuống còn 10. Một số TĐ, TCT có số lỗ lũy kế lớn là TCT Xây dựng Đường thủy lỗ lũy kế đến 31/12/2009 là 954 tỷ đồng; TCT Cà phê VN là 409 tỷ đồng; TCT Xi măng VN là 331 tỷ đồng.

Về tỷ suất lợi nhuận: Năm 2008 có 35/91 TĐ, TCT có tỷ suất LN đạt trên 15%; 18/91 TĐ, TCT có tỷ suất lợi nhuận dưới 5%; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình dưới 10%, con số này thấp hơn nhiều so với lãi vay ngân hàng, thậm chí thấp hơn cả lãi huy động tiền gửi có kỳ hạn của các ngân hàng, làm ảnh hưởng đến hiệu quả chung của khu vực kinh tế Nhà nước.

Nếu tính riêng 6 tháng đầu năm 2010: Tỷ suất lợi nhuận doanh thu của các TĐ, TCTNN chỉ đạt 5,98%, tỷ suất lợi nhuận tổng tài sản đạt 2,88%, tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu là 7,66%, thấp hơn nhiều so với khu vực FDI (khoảng 13%).

Vấn đề thua lỗ kéo dài trong nhiều năm làm cho nhiều DN không thanh toán được các khoản công nợ, nhất là các khoản nợ vay ngân hàng. Đây cũng chính là khoản nợ khó xử lý nhất và bị tồn đọng trong nhiều năm (thực chất là đã bị mất vốn, lại không có tài sản đảm bảo). Ngoài ra, giữa các TĐ, TCT và các DNNN nói chung đều nợ nhau với một

lượng rất lớn.

Hai là, do được hưởng lãi dài, các DNNN được vay vốn mà không cần có tài sản thế chấp

Về phía các NHTM vì tin tưởng vào sự bảo trợ của Chính phủ đối với DNNN nên không ngần ngại cho các DNNN vay, trong khi DNNN thường theo đuổi các dự án có nhiều rủi ro. Mặt khác, do quan hệ truyền thống lâu dài giữa NHTM Nhà nước với các DNNN càng làm cho các ngân hàng có xu hướng cho các DNNN vay nhiều hơn. Đây cũng chính là lý do tại sao các DNNN là con nợ mất khả năng thanh toán, chiếm hầu hết trong tổng số nợ xấu của ngân hàng (đặc biệt là các NHTM Nhà nước).

Ngoài ra, do chính sách không hiệu quả của Nhà nước, cùng với kinh tế bị suy thoái do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính đã dẫn đến hoạt động kinh doanh của một số ngành kinh tế và DNNN kém hiệu quả. Mặt khác, do phản ứng dây chuyền đã đẩy hàng loạt DN rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, làm gia tăng các khoản nợ xấu.

Nguyên nhân xử lý nợ xấu chưa đạt được kết quả

Kết quả xử lý nợ xấu vẫn ở mức độ rất khiêm tốn và chưa triệt để do các nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, về cơ chế, chính sách liên quan tới việc xử lý nợ xấu còn nhiều bất cập

- Khung pháp lý cho hoạt động mua bán nợ còn thiếu, chưa đủ mạnh, rõ ràng và có

Vay nợ nhiều trong điều kiện lãi suất cao, dẫn đến chi phí lãi vay rất cao. Mặt khác, việc sử dụng vốn vay sai mục đích, đầu tư ra ngoài ngành của các tập đoàn, tổng công ty đạt hiệu quả rất thấp, thậm chí thua lỗ. Trong khi nền kinh tế suy thoái, sức mua giảm sút, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của khối DNNN nhìn chung đạt ở mức rất thấp.



Từ khi Chính phủ cho phép thành lập Công ty Quản lý Nợ và Xử lý tài sản (AMC) năm 2001 đến nay đã có 27 AMC trực thuộc các NHTM. Tuy nhiên, hiệu quả xử lý nợ xấu của các AMC còn rất hạn chế, do hoạt động của các AMC chỉ phục vụ cho ngân hàng mẹ và giới hạn trong các khoản nợ cho khách hàng vay của NHTM.

những mâu thuẫn, thậm chí còn khác biệt với các thông lệ quốc tế. Các cơ chế, chính sách về mua bán nợ chưa quy định rõ về vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các bên liên quan trong việc tái cơ cấu và chuyển đổi DNNN thông qua mua bán nợ. Các văn bản đưa ra cách hiểu và các tiêu chí phân loại về nợ xấu còn chưa đảm bảo tính thống nhất. Luật Phá sản chưa thật sự phát huy hiệu quả, chưa phát huy được vai trò bảo vệ các chủ nợ, chưa có tính răn đe đối với con nợ... dẫn đến chưa thúc đẩy các bên có liên quan trong việc xử lý nợ.

- Thiếu cơ chế khuyến khích các NHTM bán các khoản nợ. Các văn bản liên quan đến hướng dẫn xử lý nợ thiếu cụ thể và thống nhất. Trong xử lý tài sản đảm bảo, việc mua bán các khoản nợ tồn đọng phải qua nhiều thủ tục hành chính, nên mất nhiều thời gian, gây

ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các phương án mua bán nợ.

- Thị trường mua bán nợ xấu hầu như chưa có, chưa có hệ thống pháp lý để tạo điều kiện cho thị trường này phát triển.

Thứ hai, các công ty mua bán nợ còn ít về số lượng, quy mô vốn nhỏ, năng lực tài chính và kỹ năng xử lý còn hạn chế

Từ khi Chính phủ cho phép thành lập Công ty Quản lý Nợ và Xử lý tài sản (AMC) năm 2001 đến nay đã có 27 AMC trực thuộc các NHTM. Tuy nhiên, hiệu quả xử lý nợ xấu của các AMC còn rất hạn chế, do hoạt động của các AMC chỉ phục vụ cho ngân hàng mẹ và giới hạn trong các khoản nợ cho khách hàng vay của NHTM.

Năm 2003, Chính phủ cho thành lập Công ty Mua bán nợ và Xử lý tài sản tồn đọng trực thuộc Bộ Tài chính (DATC). Nhưng cho đến nay, DATC cũng chỉ giải quyết được một phần rất nhỏ so với khối nợ xấu khổng lồ của các DNNN do tiềm lực tài chính hạn chế, việc tiếp cận các khoản nợ khó khăn do thiếu sự hợp tác của các bên (nhiều DNNN vẫn còn tâm lý ỷ lại) và phải chịu rủi ro cao, nhất là các khoản nợ mua bán theo thỏa thuận.

3. Một số giải pháp cơ bản xử lý nợ xấu của DNNN

Giải pháp từ phía Nhà nước

Để đẩy nhanh hoạt động xử lý nợ xấu tại các DNNN trong thời gian tới cần phải có sự phối hợp đồng bộ của Chính phủ cũng như các cơ quan, ban

ngành và các DNNN. Trong đó, trước hết phải kể đến các giải pháp từ phía Chính phủ trong việc tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động liên quan tới việc mua bán và xử lý nợ tồn đọng. Cụ thể là:

- Thống nhất các tiêu chuẩn trong việc phân loại nợ trong các văn bản pháp lý và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, nhằm đảm bảo tính thống nhất, cũng như đánh giá đúng thực trạng về nợ xấu nói chung và của DNNN nói riêng.

- Xây dựng tiêu chuẩn, chuẩn mực, quy trình định giá các khoản nợ theo tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế và phù hợp với Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính cung cấp cho các tổ chức định giá.

- Cải thiện năng lực tài chính và tăng quyền chủ động cho DATC trong việc xử lý nợ xấu và tham gia sâu hơn vào chương trình tái cơ cấu DNNN.

- Xây dựng hệ thống pháp lý và tạo điều kiện cho thị trường mua bán nợ phát triển, đặc biệt là cho phép thành lập các định chế tài chính tương tự của tư nhân để tham gia vào quá trình tái cơ cấu. Thiết lập hệ thống thông tin thường xuyên và đáng tin cậy về tình hình nợ xấu của các DNNN và các ngân hàng.

- Đối với các DNNN đang thực hiện chuyển đổi có các khoản nợ tồn đọng không thể thu hồi được phải dùng nguồn dự phòng rủi ro để bù đắp. Nếu nguồn dự phòng không đủ thì DN được hạch toán vào



chi phí kinh doanh trước khi chuyên đổi. Đối với các DN kinh doanh thua lỗ kéo dài, không có khả năng tồn tại thì kiên quyết cho giải thể, phá sản. Đối với các khoản nợ xấu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng gây nên thì Nhà nước có chính sách giảm trừ vào các khoản thuế DN phải nộp.

Ngoài ra, đối với các khoản vay nợ của nước ngoài của các TĐKT có các khoản vay nợ nước ngoài lớn, Chính phủ có thể đứng ra bảo lãnh, đàm phán với các chủ nợ nước ngoài để gia hạn các khoản nợ (ví dụ như đối với TĐ Vinashin thông qua việc bảo lãnh của Chính phủ có thể chuyển đổi các khoản nợ thành trái phiếu không trả lãi theo định kì, với thời hạn 12 năm), nhằm giúp cho các TĐ có điều kiện tái cơ cấu, cũng như có đủ thời gian cần thiết để phục hồi, phát triển và có khả năng hoàn trả các khoản vay.

Giải pháp từ DATC

- Cơ cấu lại tổ chức theo hướng hoàn thiện 2 chức năng được chú trọng đó là mua và xử lý các khoản nợ khó đòi của các DNNN. Tập trung vào mục tiêu hỗ trợ Chính phủ và đặt ra khung thời gian giới hạn cho việc xử lý nợ xấu.

- Tăng cường việc đào tạo cán bộ, nhân viên về chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kế hoạch tuyển dụng và đào tạo, đồng thời, cần có kế hoạch về việc thuê các chuyên gia chuyên môn về ngân hàng, luật, kinh tế, kinh doanh về

bất động sản để giúp Công ty trong việc xử lý và quản lý các khoản nợ tồn đọng.

- Xây dựng các phương án khả thi và linh hoạt cho việc xử lý nợ xấu.

- Chuẩn hoá quy trình thu thập và xử lý thông tin về các khoản nợ, chuẩn hoá tiêu chí phân loại, xây dựng cơ sở dữ liệu về nợ tồn đọng và áp dụng thống nhất trong DATC, nhằm xây dựng phương án xử lý nợ xấu khả thi và có hiệu quả.

Giải pháp từ DNNN và NHTM

- Các DNNN và NHTM chủ động và phối hợp tích cực với DATC trong việc bán các khoản nợ cho DATC, hoặc chuyển nợ thành vốn góp vào DN đối với các khoản nợ mà DN không thể trả được cho NH, trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung của nền kinh tế.

- Tích cực tham gia vào xây dựng thị trường mua bán nợ, nhằm đẩy nhanh công tác xử lý nợ xấu, góp phần lành mạnh hoá tình hình tài chính của khối

DNNN, cũng như của toàn bộ nền kinh tế. Từ đó tạo tiền đề cho việc tái cơ cấu DNNN một cách có hiệu quả.

- Các NHTM cần không ngừng nâng cao chất lượng các khoản cho vay, xây dựng một hệ thống ngân hàng lành mạnh, nhằm hạn chế các khoản nợ xấu mới phát sinh. \square

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo thường niên của DATC
2. Bộ Tài chính
3. Bản tin tài chính hàng ngày
4. Công thông tin dữ liệu tài chính- chứng khoán Việt Nam cafe.vn
5. Hệ thống văn bản pháp quy về hướng dẫn xử lý nợ xấu (từ 2002 đến nay)
6. Hội thảo về thị trường nợ xấu Việt Nam và các giải pháp xử lý
7. Kỳ yếu hội thảo khoa học Cơ chế xử lý nợ: Xu hướng thế giới và thực tiễn Việt Nam
8. Ngân hàng Nhà nước
9. Thời báo kinh tế Việt Nam
10. Thông tin kinh tế- tài chính (VTV)

Truyện cười

Chọn trang phục khi lâm trận

Thuyền trưởng Bravado là người rất dũng cảm. Chiều nọ, khi một chiếc tàu cướp biển đang tiến đến gần, ông quát to với đám thủy thủ run rẩy:

- Mang cho ta cái áo màu đỏ!

Mặc chiếc áo đỏ, ông lao vào cuộc huyết chiến, bọn hải tặc thua chạy. Các thủy thủ khâm phục hỏi:

- Tại sao ngài lại mặc áo đỏ trong trận đánh?

- Để khi ta chảy máu, kẻ thù không biết và các cậu cũng vững tâm chiến đấu.

Bình minh hôm sau, 10 chiếc tàu cướp kéo đến vây lấy con tàu khốn khổ. Thuyền trưởng Bravado bình tĩnh ra lệnh:

- Hãy lấy cho ta chiếc quần màu sẫm!